

HN, được Sở Kế hoạch đầu tư thành phố HN cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108370503, đăng ký lần đầu ngày 20/7/2017, ngành nghề kinh doanh dịch vụ du lịch, làm thẻ visa, mua bán vé máy bay.

Do cùng làm ngành du lịch nên khoảng năm 2017, H có quan hệ hợp tác kinh doanh với chị Nguyễn Thị Minh L (sinh năm 1992; trú tại thôn KT, xã PN, Huyện CM, thành phố HN), là người có quan hệ họ hàng với H. Từ đầu năm 2018, H đã nhiều lần làm thẻ visa cho các khách hàng của chị L. Thông qua chị L, H tiếp tục hợp tác kinh doanh ăn với chị Nguyễn Thị Thanh A (sinh năm 1984; trú tại thôn PĐ, xã PC, Huyện CM, thành phố HN; là chị gái của chị L) cùng làm ngành du lịch.

Khoảng tháng 5/2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 tại các nước Châu Á diễn biến phức tạp nên nhiều người có nhu cầu đặt mua vé máy bay về nước, nhưng nhiều tuyến bay Quốc tế về Việt Nam đang tạm dừng hoạt động hoặc hạn chế số chuyến bay nên việc đặt mua vé gặp khó khăn. Do thời gian này H đang cần tiền để trả nợ cá nhân nên đã lợi dụng dịch bệnh Covid-19 nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản tiền của người khác thông qua việc đặt mua vé máy bay. H lên mạng xã hội zalo và facebook đăng thông tin về các chuyến bay hồi hương từ nước ngoài về Việt Nam, những thông tin về các chuyến bay được H cập nhật từ nhiều đại lý, phòng vé khác nhau như: Phòng vé AB (địa chỉ tại phố LT, quận BHT, thành phố HN), phòng vé BS (địa chỉ tại phố TS, quận ĐĐ, thành phố HN), phòng vé VN Tr (địa chỉ tại phố NMK, phường TT, quận HC, thành phố ĐN) và phòng vé HĐ (địa chỉ tại khu đô thị VP, quận HĐ, thành phố HN). Sau đó, H gọi điện, nhắn tin với chị L để mời chị L đặt mua vé máy bay các chuyến bay từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan về Việt Nam. Do tin những thông tin H đưa ra là thật nên chị L đã báo cho chị A biết và chị A liên lạc với H trao đổi mua vé máy bay. Bản thân H biết rõ thời gian này rất khó để mua được số lượng lớn vé máy bay các chuyến bay từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan về Việt Nam nhưng vẫn hứa hẹn với chị A, chị L về việc mình có khả năng mua được. H thỏa thuận với chị A và chị L giá vé theo từng chuyến bay và phải đặt cọc trước 20.000.000 đồng/01 vé đối với những chuyến bay từ các nước Nhật Bản, Hàn Quốc về Việt Nam và 15.000.000 đồng/01 vé đối với chuyến bay từ Đài Loan về Việt Nam. Trường hợp nếu khách không đi thì sẽ mất tiền cọc, nếu H không lấy được vé cho khách thì H sẽ phải bồi thường số tiền 5.000.000 đồng/01 vé và hoàn trả số tiền đặt cọc; đến gần ngày chuyến bay khởi hành thì khách phải chuyển nốt số tiền tương ứng với giá vé của chuyến bay đã đặt cọc trước đó. Sau khi các bị hại chuyển tiền đặt cọc, để tạo niềm tin cho các bị hại, H đặt số ít vé máy bay và hoàn trả một phần tiền để người bị hại không nghi ngờ vẫn tiếp tục chuyển tiền cho H. Với thủ đoạn nêu trên từ ngày 10/5/2021

đến ngày 14/6/2021, H đã chiếm đoạt của 03 người với tổng số tiền 6.476.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Thị Minh L.

Chị Nguyễn Thị Minh L làm ngành nghề du lịch, mua bán vé máy bay trong nước và quốc tế và có quan hệ họ hàng với Nguyễn Xuân H (mẹ của H gọi mẹ chị L là dì). Khoảng đầu năm 2018, chị L biết H cùng làm du lịch, mua bán vé máy bay, làm Visa nên có hợp tác kinh doanh với H. Đến tháng 5/2021, H nói với chị L có các chuyến bay quốc tế hồi hương từ nước ngoài về Việt Nam. H thỏa thuận với chị L giá vé theo từng chuyến bay và chị L phải đặt cọc trước 20.000.000 đồng/01 vé đối với những chuyến bay từ các nước Nhật Bản, Hàn Quốc về Việt Nam và 15.000.000 đồng/01 vé đối với chuyến bay từ Đài Loan về Việt Nam. Trường hợp nếu khách không đi thì sẽ mất tiền đặt cọc, đến gần ngày chuyến bay khởi hành thì phải chuyển nốt số tiền tương ứng với giá vé của các chuyến bay đã đặt cọc trước đó; nếu đã nhận tiền đặt cọc của khách mà không lấy được vé thì H sẽ có trách nhiệm bồi thường cho khách số tiền 5.000.000 đồng/01 vé. Thời gian đầu chị L chuyển tiền cho H để mua vé máy bay một số chuyến bay từ nước ngoài về Việt Nam đã thành công nên chị L tin tưởng và tiếp tục chuyển tiền cho H, cụ thể: Từ ngày 10/5/2021 đến ngày 10/6/2021, chị L sử dụng tài khoản số 0691000302080 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và tài khoản số 19030925451999 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) đăng ký tên chị L chuyển đến tài khoản số 0371000399746 mở tại Ngân hàng Vietcombank, tài khoản số 0588880888 mở tại Ngân hàng Quân Đội (MB Bank) và tài khoản số 196704070001166 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank) đăng ký tên Nguyễn Xuân H, tổng số 67 lần chuyển với tổng số tiền là 9.871.500.000 đồng để mua vé máy bay. H đã mua cho chị L được 59 vé của 06 chuyến bay với tổng số tiền là 2.895.500.000 đồng, gồm:

Chuyến bay ngày 28/5/2021 Hàn Quốc - Việt Nam, 06 vé với số tiền 300.500.000 đồng.

Ngày 11/6/2021, Nhật Bản - Việt Nam, 33 vé với số tiền 1.706.000.000 đồng.

Ngày 11/6/2021, Đài Loan - Việt Nam, 03 vé với số tiền 130.500.000 đồng.

Ngày 16/6/2021, Nhật Bản - Việt Nam, 04 vé với số tiền 216.000.000 đồng.

Ngày 17/6/2021, Đài Loan - Việt Nam, 01 vé với số tiền 44.000.000 đồng.

Ngày 21/6/2021, Hàn Quốc - Việt Nam, 12 vé với số tiền 498.500.000 đồng.

Sau đó, H lấy nhiều lý do giải thích việc bị thiếu vé, chị L yêu cầu H trả lại số tiền tương ứng với số vé bị thiếu thì H lấy lý do các bên cung cấp vé chưa hoàn lại tiền nên chưa trả cho chị L. Từ ngày 17/5/2021 đến ngày 14/6/2021, H đã 25

lần chuyển khoản trả cho chị L tổng số tiền là 3.794.000.000 đồng, còn chiếm đoạt của chị L 3.182.000.000 đồng.

Quá trình điều tra vụ án, chị Nguyễn Thị Minh L giao nộp 01 tờ giấy A4 “Xác nhận công nợ H”, không đề ngày, có chữ viết, chữ ký của Nguyễn Xuân H và chị Nguyễn Thị Minh L. Tại Kết luận giám định số 8038/KLGĐ-PC09-Đ3 ngày 13/11/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố HN kết luận: *Chữ viết có nội dung: Xác nhận đúng số tiền như trên là đúng; Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Xuân H dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1 và A2) với chữ viết, chữ ký trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1 và A2)” với chữ ký, chữ viết đúng tên Nguyễn Xuân H trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6) là chữ do cùng một người viết và ký ra.*

Trách nhiệm dân sự: Ngày 21/6/2021, Nguyễn Xuân H đã trả chị L số tiền 80.000.000 đồng và ngày 01/11/2021, ông Nguyễn Xuân M (là bố của H) trả chị L 2.400.000.000 đồng. Tổng số tiền H và gia đình đã trả chị L 2.480.000.000 đồng. Chị L yêu cầu H phải trả 1.541.500.000 đồng, trong đó số tiền H còn chiếm đoạt là 702.000.000 đồng và tiền bồi thường là 839.500.000 đồng (do H không mua được vé máy bay, chị L phải bồi thường cho khách hàng).

2. Chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Thị Thanh A.

Tương tự như thủ đoạn đã áp dụng với chị Nguyễn Thị Minh L, H đã thỏa thuận với chị L về việc mua vé máy bay đi các nước. Tháng 5/2021 chị A nhiều lần chuyển tiền cho H để mua vé máy bay hồi hương từ nước ngoài về Việt Nam, H đã mua cho chị A được nhiều vé máy bay của nhiều chuyến khác nhau. Đến ngày 04/6/2021, chị A và H thanh toán số tiền chị A chuyển cho H mua vé máy bay nhưng H không mua được và xác nhận số tiền H còn nợ chị A của chuyến bay từ Hàn Quốc về Việt Nam ngày 28/5/2021 là 396.000.000 đồng, chuyến bay từ Nhật Bản về Việt Nam ngày 08/6/2021 là 300.000.000 đồng. Chị A thống nhất với H chuyển số tiền 696.000.000 đồng nêu trên sang để đặt cọc mua vé máy bay. Sau đó, từ ngày 07/6/2021 đến ngày 14/6/2021, chị A chuyển khoản từ tài khoản số 19029793206010 đăng ký tên chị A mở tại Ngân hàng Techcombank đến tài khoản số 0371000399746 đăng ký tên Nguyễn Xuân H mở tại Ngân hàng Vietcombank 16 lần với tổng số tiền 2.943.000.000 đồng. Tổng số tiền chị A chuyển cho H để đặt cọc mua vé máy bay 06 chuyến từ nước ngoài về Việt Nam là 3.639.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 21/6/2021, chuyến bay Hàn Quốc về Việt Nam 40 vé.

Ngày 22/6/2021, chuyến bay Đài Loan về Việt Nam 14 vé.

Ngày 28/6/2021, chuyến bay Đài Loan về Việt Nam 20 vé.

Ngày 30/6/2021, chuyến bay Nhật Bản về Việt Nam 40 vé.

Ngày 04/7/2021, chuyến bay Đài Loan về Việt Nam 10 vé.

Ngày 05/7/2021, chuyến bay Nhật Bản về Việt Nam 20 vé.

Trong 06 chuyến bay trên, có 02 chuyến bay ngày 21/6 và ngày 22/6/2021 chị A đã chuyển tiền đủ cho H nhưng H chỉ đặt cọc cho phòng vé VN Tr 400.000.000 đồng để mua 20 vé cho chuyến bay Hàn Quốc về Việt Nam. Ngày 21/6/2021, phòng vé Tr đã xuất vé cho H gần đến ngày bay chị A liên hệ với H để lấy vé thì H chụp ảnh vé máy gửi cho chị A nhưng H không trả nốt tiền cho phòng vé Tr mà tắt điện thoại nên chị A đã liên hệ với phòng vé Tr và thanh toán nốt tiền 546.000.000 đồng cho phòng vé Tr. Tổng số tiền H chiếm đoạt của chị A là 3.239.000.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Ngày 21/6/2021, H đã trả chị A số tiền 178.000.000 đồng và ngày 01/11/2021, ông Nguyễn Xuân M (bố của H) trả chị A số tiền 1.600.000.000 đồng. Tổng số tiền H và gia đình đã trả chị A là 1.778.000.000 đồng. Chị A yêu cầu H phải trả 1.561.000.000 đồng, trong đó số tiền còn chiếm đoạt là 1.461.000 đồng và số tiền phải bồi thường là 100.000.000 đồng (do H không mua được vé máy bay nên chị A phải bồi thường cho khách).

3. Chiếm đoạt tiền của anh Trần Văn P.

Khoảng tháng 5/2021, thông qua mạng xã hội facebook, anh Trần Văn P (sinh năm 1992, trú tại xã CL, huyện CX, tỉnh HT) đặt Nguyễn Xuân H mua 01 vé máy bay cho người quen của anh P từ Nhật Bản về Việt Nam chuyến bay ngày 15/6/2021 với giá 57.000.000 đồng. Ngày 26/5/2021, anh P sử dụng số tài khoản 6338888699999 đăng ký tên anh P mở tại Ngân hàng MB Bank chuyển số tiền 20.000.000 đồng đến tài khoản số 0371000399746 của H mở tại Ngân hàng Vietcombank để đặt cọc mua vé. Ngày 03/6/2021, anh P nói với H xem có chuyến nào giá rẻ hơn không thì đổi chuyến cho anh P. H báo giá vé chuyến bay ngày 14/6/2022 là 55.000.000 đồng. Anh P đồng ý và chuyển khoản cho H số tiền còn lại là 35.000.000 đồng, H hẹn 01 - 02 ngày sau sẽ có vé nhưng sau đó H chiếm đoạt số tiền nêu trên. Anh P nhiều lần liên lạc với H yêu cầu cung cấp vé nhưng H lấy lý do bên phòng vé chưa xuất vé nên H không cung cấp cho anh P.

Ngày 21/6/2021, Nguyễn Xuân H đã khắc phục trả anh P số tiền 20.000.000 đồng và ngày 03/11/2021, H chuyển khoản trả nốt anh P số tiền 35.000.000 đồng. Anh P đã nhận đủ tiền, không yêu cầu H phải bồi thường dân sự và đề nghị Cơ quan pháp luật xem xét giảm nhẹ hình phạt cho H.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã xác minh tại các phòng vé, xác định:

(1) Chị Nguyễn Thị Thanh X (sinh năm 1992) là chủ phòng vé máy bay Hải Đăng, địa chỉ tại khu đô thị VP, quận HĐ, HN trình bày: Khoảng đầu tháng 5/2021, chị X bán vé máy bay hồi hương trên nhóm zalo “vé máy bay hồi hương quốc tế” có một người sử dụng zalo “Anh H” nhắn tin hỏi đặt mua vé máy bay cho khách hồi hương về Việt Nam (chủ yếu khách của H là ở Hàn

Quốc, Nhật Bản, Đài Loan). Trong khoảng thời gian từ 26/5/2021 đến ngày 14/6/2021, H nhiều lần liên hệ giao dịch với chị X để đặt vé máy bay cho khách, cụ thể:

- Ngày 26/5/2021, H đặt mua 01 vé máy bay cho khách từ Đài Loan về Việt Nam vào ngày 04/6/2021, giá vé là 32.000.000 đồng/01 vé. H đã thanh toán đủ tiền vé máy bay và chị X xuất vé.

- Ngày 28/5/2021, H đặt cọc mua 60 vé máy bay đối với chuyến bay từ Nhật Bản về Việt Nam vào ngày 11/6/2021, giá vé là 54.000.000 đồng/01 vé (H chuyển khoản đặt cọc 10.000.000 đồng/01 vé). Ngày 01/6/2021, H đã thanh toán đủ tiền vé máy bay và chị X xuất vé.

- Ngày 04/6/2021, H đặt cọc mua 15 vé máy bay từ Nhật Bản về Việt Nam vào ngày 15/6/2021 (trong đó có 10 vé giá 53.000.000 đồng/01 vé và 05 vé giá 58.000.000 đồng/01 vé). H đã thanh toán đủ tiền vé máy bay và chị X xuất vé.

- Ngày 09/6/2021, H đặt cọc mua 04 vé máy bay từ Đài Loan về Việt Nam vào ngày 17/6/2021, giá vé là 51.000.000 đồng/01 vé. H đã thanh toán đủ tiền vé máy bay và chị X xuất vé.

- Ngày 08/6/2021, H đặt cọc mua 35 vé máy bay từ Nhật Bản về Việt Nam vào ngày 19/6/2021 (trong đó có 15 vé giá 53.500.000 đồng/01 vé và 20 vé giá 54.500.000 đồng/01 vé). H đã thanh toán đủ tiền và chị X xuất vé cho H.

- Ngày 18/6/2021, H đặt cọc số tiền là 550.000.000 đồng để mua 59 vé máy bay từ Đài Loan về Việt Nam nhưng do chuyến bay đó bị lùi lịch nên chị X đã hoàn trả lại cho H số tiền trên (trong đó có cả số tiền mà H đồng ý trừ trả cho chị Nguyễn Thị Thanh A và Nguyễn Thị Minh L). Chị X khẳng định việc giao dịch mua bán vé máy bay giữa H và chị X được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. H đã thanh toán tiền mua vé và chị X đã xuất đủ vé cho H.

(2). Chị Hoàng Thị Thu Y (sinh năm 1990) là Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Skyone, địa chỉ tại phố TS, phường QT, quận ĐĐ, thành phố HN trình bày: Nguyễn Xuân H đặt mua 20 vé máy bay, chuyến bay từ Hàn Quốc về Việt Nam vào ngày 28/5/2021. H đã thanh toán tiền mua vé máy bay cho chị Y và chị Y đã xuất đủ vé cho H.

(3). Anh Nguyễn Ngọc T là Phó Giám đốc Phòng vé máy bay AB, địa chỉ tại phố LT, phường VT, quận HBT, thành phố HN trình bày: Trong thời gian từ tháng 5 năm 2021 phòng vé máy bay AB không có đối tác nào tên là Nguyễn Xuân H, sinh năm 1989; trú tại thôn YQ, xã TP, Huyện QO, HN giao dịch đặt mua vé máy bay.

(4). Chị Trương Thị Hồng K (sinh năm 1985; trú tại Quận 8, thành phố HCM) là đại diện phòng vé Việt Tr, địa chỉ tại phố NMK, phường TT, quận HC, thành phố ĐN trình bày: H chỉ liên hệ mua vé 01 chuyến bay từ Incheon Hàn Quốc về Việt Nam, tổng số 29 vé. H chuyển khoản 03 lần, trong đó có 01

lần chuyển 400.000.000 đồng. Sau đó, chị K không liên lạc được với H thì có chị A và một bên khách hàng nữa liên hệ với chị K để thanh toán nốt số vé mà H đã đặt. Chị K không nhớ cụ thể chị A thanh toán bao nhiêu vé.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Xuân H khai đã sử dụng số tiền chiếm đoạt của chị L, chị A và anh P để thanh toán tiền mua vé cho nhiều khách khác (H không nhớ tên tuổi cụ thể), chi tiêu cá nhân và trả tiền trước đó H đã vay của chị Đào Thị O (sinh năm 1993; trú tại thôn NC, xã AK, Huyện HĐ, HN) và anh Nguyễn Văn L (sinh năm 1988; trú tại thôn YQ, xã TP, Huyện QO, HN). Cơ quan điều tra đã xác minh lời khai của chị Đào Thị O và anh Nguyễn Văn L, kết quả như sau:

- Chị Đào Thị O trình bày có quan hệ bạn bè thân thiết với Nguyễn Xuân H. Trong tháng 5 và tháng 6/2021, chị O đã chuyển khoản cho H vay tiền nhiều lần (thỏa thuận theo lãi suất của Ngân hàng), do H vay ít ngày rồi trả nên chị O không tính lãi, thỉnh thoảng H trả chị mấy triệu nói là tiền lãi. Sau đó, chị O tiếp tục chuyển khoản cho H vay nhiều lần tổng số tiền 3.138.000.000 đồng. Ngoài ra, chị O còn đưa tiền mặt cho H nhưng không ghi giấy biên nhận, H nói vay tiền để đầu tư kinh doanh nhưng H không nói kinh doanh lĩnh vực gì. Hiện H đã chuyển khoản trả chị O nhiều lần với tổng số tiền là 4.561.000.000 đồng, chị không biết nguồn gốc số tiền H trả chị.

- Anh Nguyễn Văn L trình bày trong tháng 5 và tháng 6/2021, anh L chuyển khoản cho Nguyễn Xuân H (là con nhà bác ruột của anh L) vay tổng cộng 1.327.000.000 đồng và đưa tiền mặt cho H nhưng không viết giấy tờ, sau đó H chuyển khoản trả tiền anh L tổng cộng 1.604.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2023/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố HN quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Xuân H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 14 năm, thời hạn tù tính từ ngày bắt 18/10/2022.

Buộc bị cáo phải trả cho chị Nguyễn Thị Minh L 1.541.500.000 đồng và trả cho chị Nguyễn Thị Thanh A 1.561.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo, quyền thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/5/2023, bị cáo Nguyễn Xuân H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Xuân H giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại HN sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo của bị cáo, kết

luận: Bị cáo Nguyễn Xuân H bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại cấp phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã bồi thường một phần cho bị hại (bồi thường cho chị L 1.541.500.000 đồng và bồi thường cho chị A 1.561.000.000 đồng), bồi thường đủ 500.000.000 đồng cho anh P và anh P có đơn đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự ở giai đoạn điều tra và sau đó có đơn xin miễn giảm hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tác động gia đình để bố bị cáo là ông Nguyễn Xuân M tiếp tục bồi thường cho bị hại 40.000.000 đồng. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố bị cáo có tham gia chiến trường VX, HG. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giảm cho bị cáo từ 01 đến 02 năm tù.

Luật sư trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh cũng như đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Ngoài những tình tiết giảm nhẹ Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khi lượng hình phạt cho bị cáo thì mặc dù hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn em trai của bị cáo là anh Nguyễn XH bị bệnh tâm thần bẩm sinh, hàng tháng bị cáo cấp dưỡng cho anh XH 3.000.000 đồng, hiện nay, vợ chồng bị cáo đã ly hôn, bị cáo phải nuôi con nhỏ sinh năm 2015. Sau khi bị cáo bị bắt, gia đình bị cáo đã bán nhà đất để khắc phục hậu quả cho người bị hại, hiện bố mẹ bị cáo phải đi ở nhờ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo và chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát giảm hình phạt thêm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân H trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Xuân H tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm về diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo; phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 5/2021, tại các nước Châu Á nhiều người có nhu cầu đặt mua vé máy bay từ nước ngoài về Việt Nam, thời gian này nhiều chuyến bay quốc tế về Việt Nam tạm dừng hoạt động hoặc hạn chế số chuyến bay nên việc đặt mua vé gặp khó khăn. H đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản tiền của người khác thông qua việc đặt mua vé máy bay. H lên mạng xã hội zalo và facebook đăng thông tin về các chuyến bay hồi hương từ nước ngoài

về Việt Nam. Sau đó, H liên lạc với chị L và chị A mời mua vé máy bay các chuyến bay từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan về Việt Nam. H thỏa thuận với chị A và chị L giá vé theo từng chuyến bay và phải đặt cọc trước 20.000.000 đồng/01 vé đối với những chuyến bay từ các nước Nhật Bản, Hàn Quốc về Việt Nam và 15.000.000 đồng/01 vé đối với chuyến bay từ Đài Loan về Việt Nam. Trường hợp nếu khách không đi thì sẽ mất tiền đặt cọc, nếu H không lấy được vé cho khách thì H sẽ phải bồi thường số tiền 5.000.000 đồng/01 vé và hoàn trả số tiền đặt cọc, đến gần ngày chuyến bay khởi hành thì khách phải chuyển nốt số tiền tương ứng với giá vé của chuyến bay đã đặt cọc trước đó. Sau khi các bị hại chuyển tiền đặt cọc, để tạo niềm tin cho các bị hại H đặt số ít vé máy bay và hoàn trả một phần tiền để người bị hại không nghi ngờ rồi tiếp tục chuyển tiền cho H rồi chiếm đoạt. Với thủ đoạn nêu trên, từ ngày 10/5/2021 đến ngày 14/6/2021, Nguyễn Xuân H đã chiếm đoạt của 03 người bị hại với tổng số tiền 6.476.000.000 đồng, trong đó chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Minh L 3.182.000.000 đồng, chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thanh A 3.239.000.000 đồng và chiếm đoạt của anh Trần Văn P 55.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Xuân H đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình, Tòa án sơ thẩm đã cân nhắc, xem xét các tình tiết như: Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, Nguyễn Xuân H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã bồi thường được một phần số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại, trong đó đã bồi thường toàn bộ cho anh Trần Văn P và anh P có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã bồi thường một phần cho bị hại là chị L, chị A (bồi thường cho chị L 1.541.500.000 đồng và bồi thường cho chị A 1.561.000.000 đồng). Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Do vậy, mức hình phạt 14 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Xuân H xuất trình thêm tình tiết mới làm căn cứ xin giảm nhẹ hình phạt: Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tác động gia đình để bố bị cáo là ông Nguyễn Xuân M tiếp tục bồi thường cho bị hại

40.000.000 đồng, bị cáo đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm được thể hiện tại Biên lai số AA/2022 0004630 ngày 30/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố HN. Như vậy, bị cáo vẫn tiếp tục bồi thường cho người bị hại, bản thân bị cáo thực sự hối hận về hành vi phạm tội của mình. Mặc dù bị cáo đã bồi thường cho chị L 1.541.500.000 đồng và bồi thường cho chị A 1.561.000.000 đồng nhưng khi người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho khách hàng của chị A, chị L khi bị cáo không mua được vé máy bay thì bị cáo tự nguyện đồng ý với yêu cầu của chị A, chị L (bồi thường cho chị A 100.000.000, bồi thường cho chị L là 839.500.000 đồng), đây không phải là số tiền bị cáo chiếm đoạt mà là bị cáo tự nguyện bồi thường dân sự khi chị A, chị L có thỏa thuận bồi thường cho khách hàng khi không đặt được vé máy bay.

Ngoài ra, bị cáo là lao động chính trong gia đình phải nuôi và chạy chữa thuốc men cho em trai là anh Nguyễn XH bị bệnh tâm thần. Bị cáo có tham gia phong trào chung tay ủng hộ xã Tâm Phú chống dịch Covid. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bố bị cáo bán cả nhà đất để hỗ trợ bị cáo bồi thường cho bị hại, bố bị cáo có thời gian cống hiến cho cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc tham gia chiến trường VX, HG, chú bị cáo là liệt sỹ Nguyễn Xuân U. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Xuân H như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo nên cần sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Xuân H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Xuân H; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2023/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố HN về phần hình phạt, cụ thể:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2022.

2. Án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Xác nhận bị cáo đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai số 0004630 ngày 30/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố HN.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1-TANDTC;
- VKSNDCC tại HN;
- TAND TP HN;
- VKSND TP HN;
- Cục THADS TP HN;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HS (02 bản), P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thơm

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tuyền

Nguyễn Phan Nam

Đặng Thị Thơm